



ruǎn huà

软化

verb · to soften; softening

Example Sentences

Huáng yóu zài shì wēn xià huì ruǎn huà

黄油在室温下会软化。

Butter will soften at room temperature.

Tā de tài dù zhú jiàn ruǎn huà tóng yì le wǒ de qǐng qiú

他的态度逐渐软化，同意了我的请求。

His attitude gradually softened, and he agreed to my request.

Trace each character, then write the word on your own.

软	软	软	软	软	软	软	软	软	软	软
化	化	化	化	化	化	化				